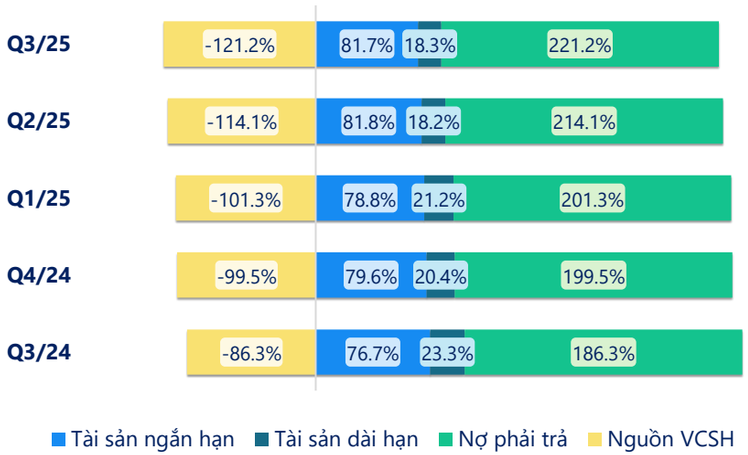
FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,279,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,405
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
P/E	-0.4
EPS	-3,366

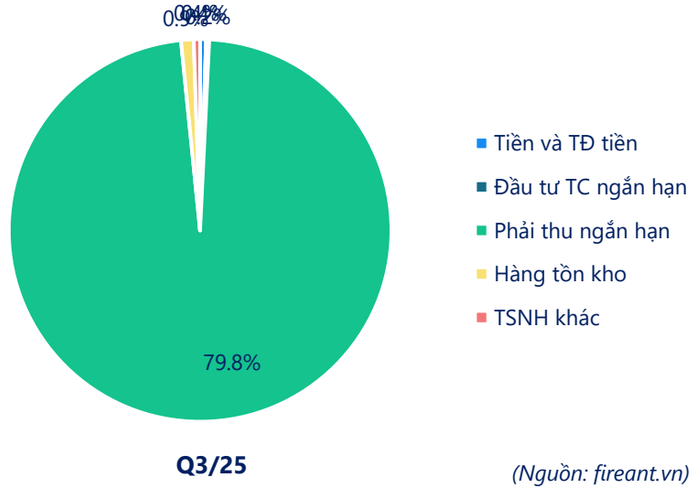
	YTD	1T	3T	6T
VKC	33.3%	33.3%	50.0%	50.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



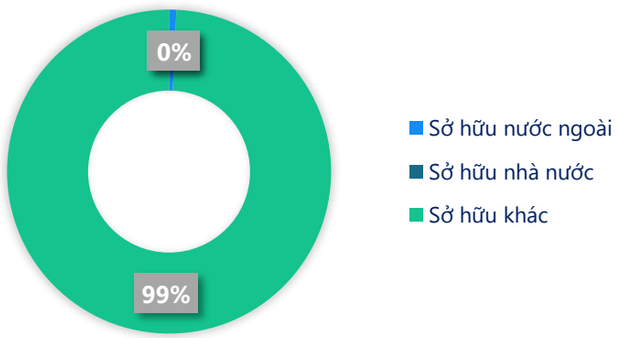
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



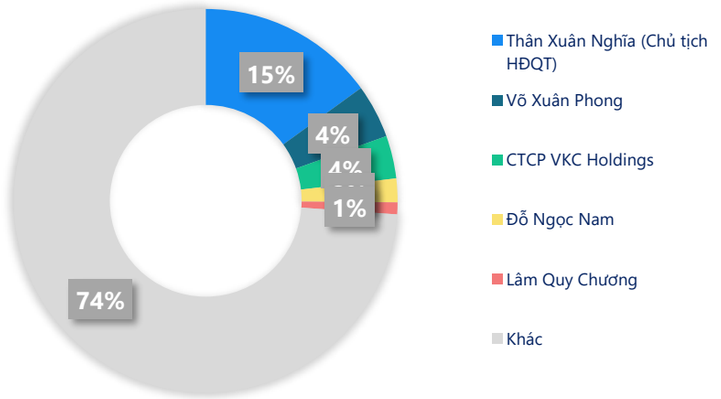
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



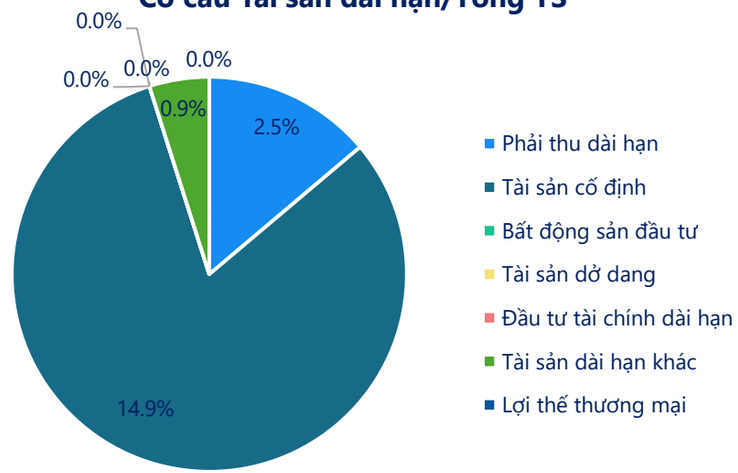
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

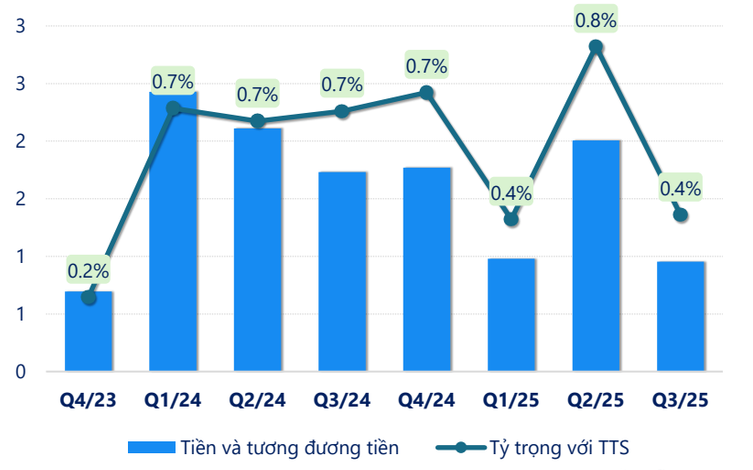


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

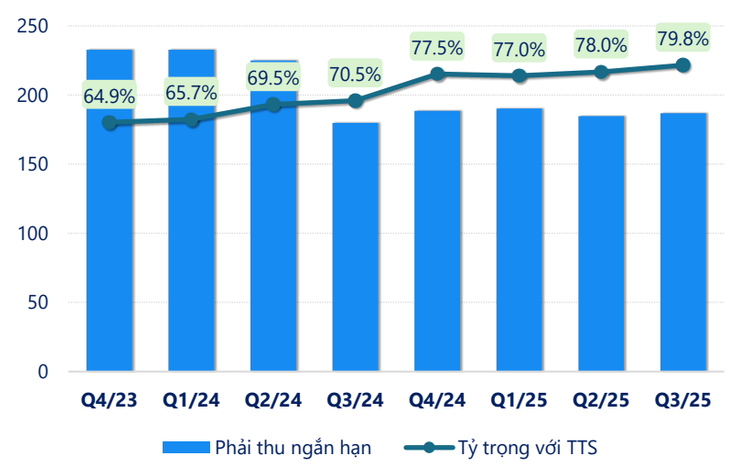
CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Tiền và tương đương tiền



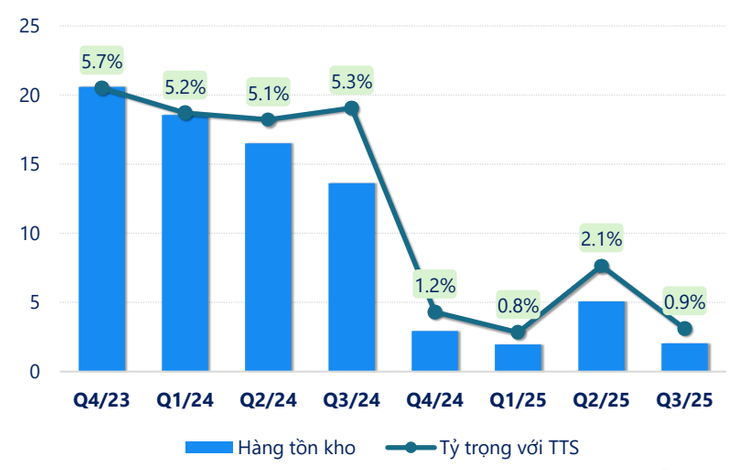
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



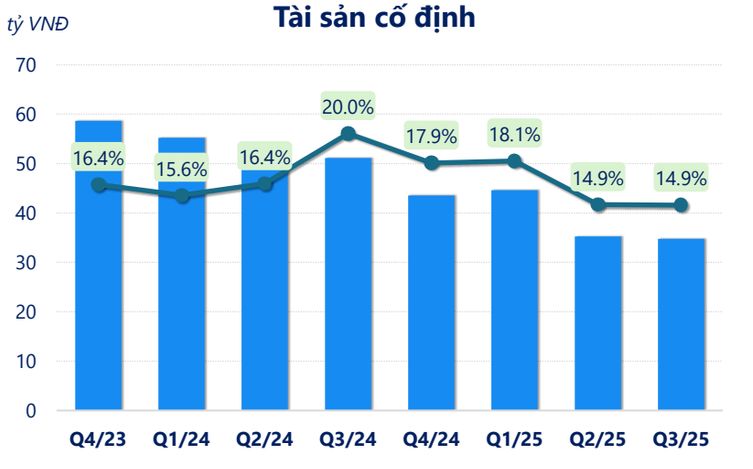
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



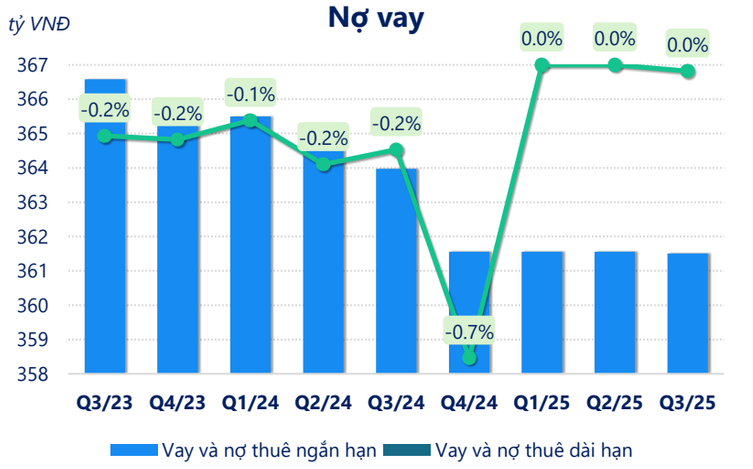
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



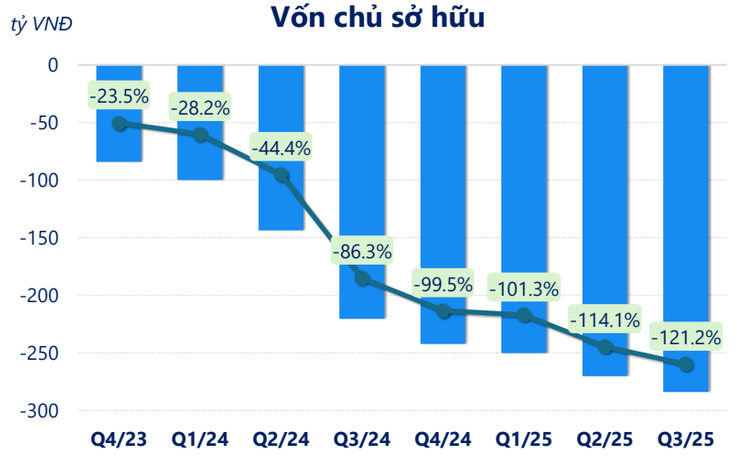
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

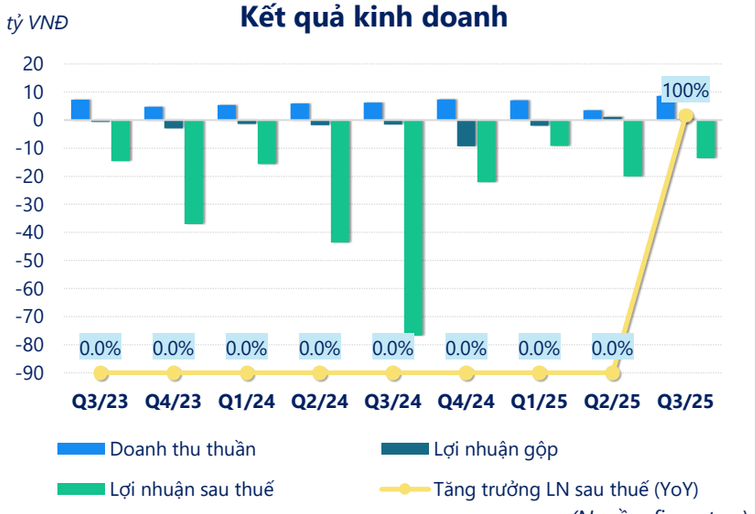
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

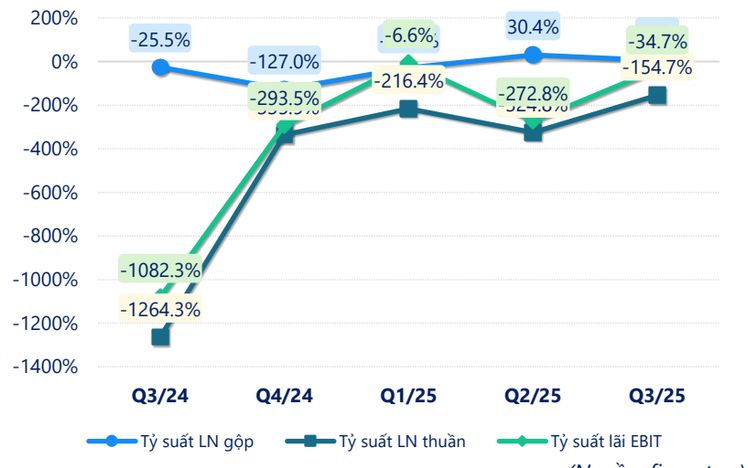
CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Kết quả kinh doanh



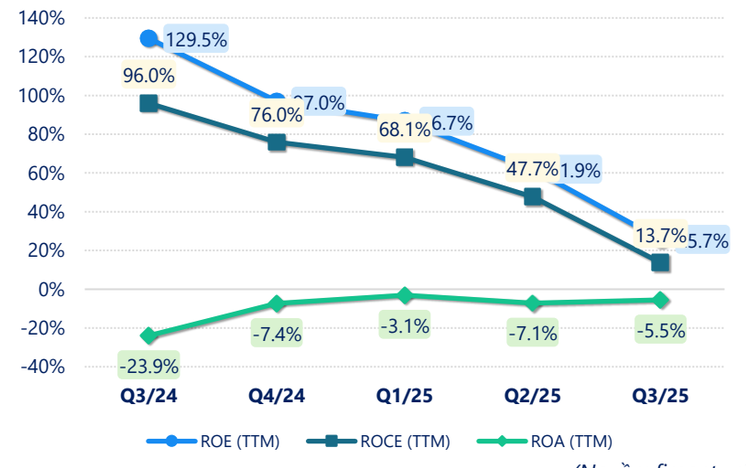
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



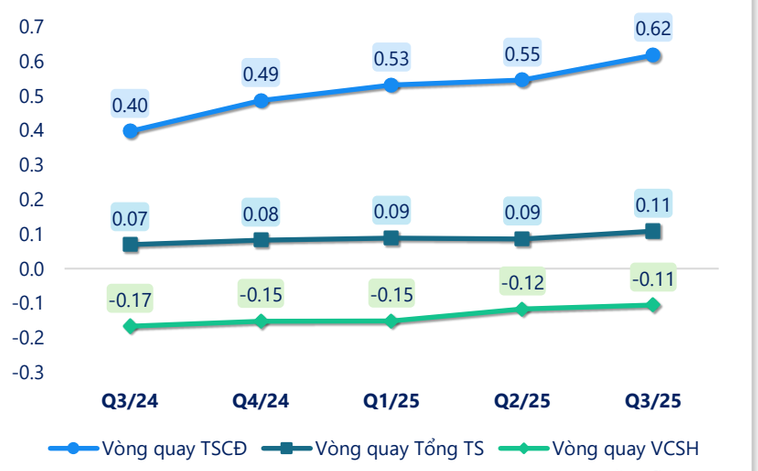
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



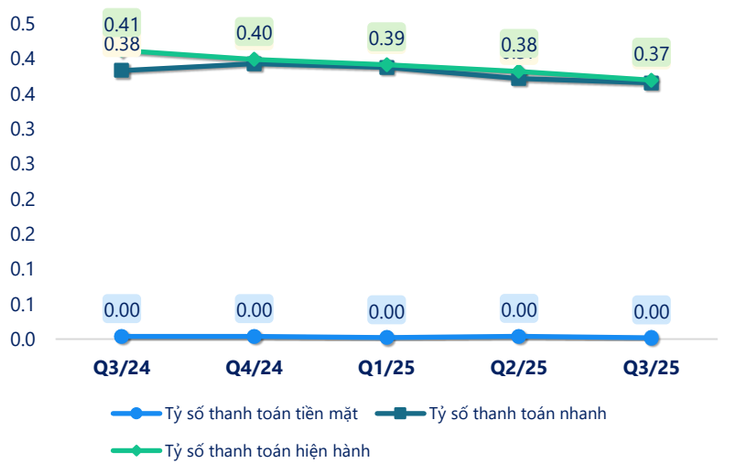
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



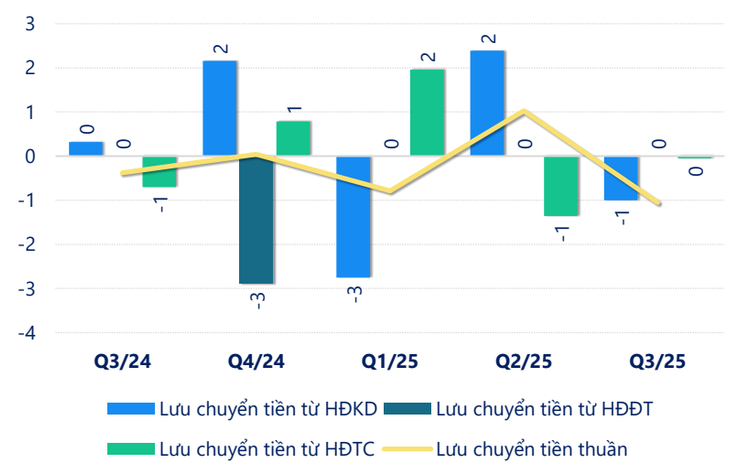
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**234**	**244**	**-4.0%**
Tài sản ngắn hạn	191	194	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	0.95	1.77	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.51	0.51	0.0%
Phải thu ngắn hạn	187	188	-0.8%
Hàng tồn kho	2.03	2.94	-30.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.01	15520%
Tài sản dài hạn	**42.8**	**50.3**	**-15.0%**
Phải thu dài hạn	5.92	5.92	0.0%
Tài sản cố định	34.8	44.3	-21.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.10**	**0.14**	**1373%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	518	485	6.7%
Nợ ngắn hạn	**518**	**485**	**6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	362	362	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.82	7.43	5.2%
Nợ dài hạn	0.12	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-284**	**-242**	**-17.5%**
Vốn chủ sở hữu	**-284**	**-242**	**-17.5%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	6.20	7.33	7.06	3.50	8.63
Giá vốn hàng bán	7.78	16.7	9.11	2.44	8.25
Lợi nhuận gộp	-1.58	-9.32	-2.05	1.06	0.39
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.02	0.01	0.00
Chi phí TC	28.5	11.9	10.5	10.6	10.6
Chi phí lãi vay	10.5	0	10.5	10.6	10.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.62	1.03	0.49	0.62	0.71
Chi phí QLDN	46.7	2.37	2.25	1.19	2.47
LN thuần từ HĐKD	-78.4	-24.6	-15.3	-11.4	-13.4
Lợi nhuận khác	0.79	3.11	4.31	-8.81	-0.20
LN trước thuế	-77.6	-21.5	-11.0	-20.2	-13.6
Lợi nhuận sau thuế	-76.8	-22.2	-9.23	-20.1	-13.6
LNST của CĐ cty mẹ	-76.8	-22.2	-9.20	-20.0	-13.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.32	2.16	-2.75	2.39	-1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-2.90	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.70	0.78	1.96	-1.36	-0.05
Tiền đầu kỳ	2.11	1.73	1.77	0.98	2.01
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.38**	**0.04**	**-0.79**	**1.03**	**-1.05**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.73	1.77	0.98	2.01	0.95

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic